

Thủy Nguyên, ngày 29 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán thu chi năm học 2023-2024; dự toán toán thu chi; quy chế chi tiêu nội bộ quỹ ngoài ngân sách năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC NGŨ LÃO

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 10873/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND huyện Thủy Nguyên về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, sử dụng biên chế và tài chính năm 2024 cho trường Tiểu học Ngũ Lão;

Căn cứ vào kế hoạch, nhiệm vụ năm học 2024-2025

Theo đề nghị của Kế toán trưởng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai quyết toán thu chi năm học 2023-2024; dự toán toán thu chi năm học 2024-2025; quy chế chi tiêu nội bộ quỹ ngoài ngân sách năm học 2024-2025 của trường tiểu học Ngũ Lão (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban liên tịch nhà trường; Các ông, bà Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn các tổ chuyên môn và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
NGŨ LÃO
Đào Thị Thu Hợp

THÔNG BÁO
QUYẾT TOÁN KINH PHÍ NĂM HỌC 2023-2024
(CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ THU HỘ, CHI HỘ)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
I	CÁC KHOẢN THU, CHI NGOÀI NGÂN SÁCH VÀ KHOẢN THU HỘ, CHI HỘ		
I	Số thu phí, lệ phí		
1	Hoạt động ngoài giờ chính khoá		
	Số dư năm trước chuyển sang	28.900	
	Mức thu 7.000đồng/giờ		
	Tổng số thu trong năm	1.489.509.000	
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.489.509.000	
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	1.489.509.000	
	Số chi trong năm	1.489.470.619	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	1.042.656.300	
	- Chi SC cơ sở vật chất	134.016.479	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	223.427.300	
	- Chi phúc lợi	89.370.540	
	- Chi khác		
	Số dư đến tháng hết tháng 8	67.281	
2	Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)		
	Số dư năm trước chuyển sang		
	Tổng số thu trong năm		
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm		
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾		
	Số chi trong năm		
	Trong đó: -		
	Số dư cuối năm		
3	Dịch vụ: Trông giữ xe, căng tin, bán trú.... (Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
3.1.	Trông giữ xe		
	Số dư năm trước chuyển sang	80.050	
	Mức thu 25.000đồng/tháng		
	Tổng số thu trong năm	97.950.000	
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	97.950.000	



	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	97.950.000	
	Số chi trong năm	98.016.350	
	Trong đó: - Chi cho người tham gia trực tiếp trông coi xe đạp cho HS	83.258.050	
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	10.795.000	
	- Chi khác: mua khóa và dây khóa xe học sinh, phí chuyển tiền nộp thuế	3.963.300	
	Số dư đến tháng hết tháng 8	13.700	
3.2.	Bán trú		
	Số dư năm trước chuyển sang	142.139	
	Ăn bán trú		
	Mức thu 30.000đ/ học sinh/ ngày/ bữa chính + phụ		
	Cơ sở VCBT		
	Mức thu 50.000đ/ học sinh lần sau		
	Mức thu 200.000đ/ học sinh lần đầu		
	Chăm sóc bán trú		
	Mức thu 150.000đ/hs/tháng		
	Tổng số thu trong năm	1.340.555.000	
	Trong đó: -Tiền ăn	1.018.980.000	
	- Tiền CSVCBT	27.350.000	
	- Tiền chăm sóc bán trú	294.225.000	
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	1.340.697.139	
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	1.340.697.139	
	Số chi trong năm	1.340.663.070	
	Trong đó: - Chi trả công ty cung cấp suất ăn bán trú.	1.018.980.000	
	- Chi cho người tham gia công tác phụ vụ BT	285.409.250	
	- Chi các mua sắm, các hoạt động khác phụ vụ bán trú	36.273.820	
	Số dư đến tháng hết 8	34.069	
4	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...(Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị		
4.1	Tiếng anh tự chọn lớp 1+2		
	Số dư năm trước chuyển sang	277.575	
	Mức thu 8.000đồng/ tiết/học sinh		
	Tổng số thu trong năm	274.304.000	
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	274.581.575	
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	274.581.575	
	Số chi trong năm	274.581.575	
	Trong đó: - Chi thanh toán tiền công ty liên kết thuê giáo viên giảng dạy trực tiếp	227.727.536	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	16.461.000	
	- Chi phúc lợi	13.715.200	

	- Chi nộp thuế	5.486.080
	- Chi cơ sở vật chất	11.191.759
	Số dư đến tháng hết 8	0
4.2	Tin học tự chọn lớp 5	
	Số dư năm trước chuyển sang	39.403
	Mức thu 8.000đồng/ tiết/học sinh	
	Tổng số thu trong năm	139.616.000
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	139.655.403
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	139.655.403
	Số chi trong năm	139.655.403
	Trong đó: - Chi thanh toán tiền công ty liên kết thuê giáo viên giảng dạy trực tiếp	101.999.200
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	8.373.000
	- Chi phúc lợi	6.980.800
	- Chi nộp thuế	2.792.320
	- Chi cơ sở vật chất	5.588.403
	Số dư đến tháng hết 8	0
4.3	Toán tư duy	
	Số dư năm trước chuyển sang	0
	Mức thu 10.000đồng/ tiết/học sinh	
	Tổng số thu trong năm	306.115.000
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	306.115.000
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	306.115.000
	Số chi trong năm	306.115.000
	Trong đó: - Chi thanh toán tiền công ty liên kết thuê giáo viên giảng dạy trực tiếp	254.133.564
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	18.366.000
	- Chi phúc lợi	15.305.800
	- Chi nộp thuế	6.122.300
	- Chi cơ sở vật chất	12.187.336
	Số dư đến tháng hết 8	0
4.4	Kỹ năng sống	
	Số dư năm trước chuyển sang	0
	Mức thu 10.000đồng/ tiết/học sinh	
	Tổng số thu trong năm	249.555.000
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	249.555.000
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	249.555.000
	Số chi trong năm	249.555.000
	Trong đó: - Chi thanh toán tiền công ty liên kết thuê giáo viên giảng dạy trực tiếp	207.188.025
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	14.979.000
	- Chi phúc lợi	12.477.750
	- Chi nộp thuế	4.991.100
	- Chi cơ sở vật chất	9.919.125



	Số dư đến tháng hết 8	0
4.5	Tiếng anh Việt Nam	
	Số dư năm trước chuyển sang	215.700
	Mức thu 8.000đồng/ tiết/học sinh	
	Tổng số thu trong năm	25.584.000
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	25.799.700
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	25.799.700
	Số chi trong năm	25.799.700
	Trong đó: - Chi thanh toán tiền công ty liên kết thuê giáo viên giảng dạy trực tiếp	20.530.800
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	1.485.000
	- Chi phúc lợi	1.279.200
	- Chi nộp thuế	511.680
	- Chi cơ sở vật chất	1.993.020
	Số dư đến tháng hết 8	0
4.6	Tiếng anh Nước ngoài	
	Số dư năm trước chuyển sang	152.710
	Mức thu 35.000đồng/ tiết/học sinh	
	Tổng số thu trong năm	895.370.000
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	895.522.710
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	895.522.710
	Số chi trong năm	895.522.710
	Trong đó: - Chi thanh toán tiền công ty liên kết thuê giáo viên giảng dạy trực tiếp	743.320.598
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	53.715.000
	- Chi phúc lợi	44.768.500
	- Chi nộp thuế	17.907.400
	- Chi cơ sở vật chất	35.811.212
	Số dư đến tháng hết 8	0
4.7	Cơ sở vật chất 2 buổi	
	Số dư năm trước chuyển sang	193.478
	Mức thu 30.000đ/hs/tháng	
	Tổng số thu trong năm	339.315.000
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	339.508.478
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	339.508.478
	Số chi trong năm	339.383.067
	Trong đó: - Chi trả tiền điện, nước, cơ sở vật chất	339.383.067
	Số dư đến tháng 8/2024	125.411
4.8	Nước uống	
	Số dư năm trước chuyển sang	0
	Mức thu 10.000đ/hs/tháng	

	Tổng số thu trong năm	113.015.000
	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	113.015.000
	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng ⁽¹⁾	113.015.000
	Số chi trong năm	113.015.000
	Trong đó: - Chi trả tiền mua nước uống tinh khiết cho học sinh	113.015.000
	Số dư cuối năm	0
5	Các khoản thu hộ, chi hộ	
5.1	Bảo hiểm y tế	
	Số học sinh	1.270
	Mức thu: Gồm các mức sau	
	Đối với thẻ HS12 tháng: 680.400đ	
	Đối với thẻ HS 13 tháng: 737.100đ	
	Đối với thẻ HS 14 tháng: 793.800đ	
	Đối với thẻ HS 15 tháng: 850.500đ	
	Tổng thu	897.787.800
	Đã chi nộp BHXH Thủy Nguyên	897.787.800
	Dư	0
5.2	Quỹ vòng tay bè bạn (đội)	
	Số dư năm trước chuyển sang	492.300
	Mức thu 40.000 đồng/học sinh/năm	
	Tổng thu	50.250.000
	Đã chi	50.735.600
	Dư	6.700
II	QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023	
1	Ngân sách nhà nước	10.762.070.554
1.1	Ngân sách chi thường xuyên	7.876.000.000
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	
	- Dự toán được giao trong năm	
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	7.054.000.000
	+ Dự toán bổ sung trong năm	822.000.000
	+ Kinh phí giảm trong năm	
	- Kinh phí thực nhận trong năm	7.876.000.000
	- Kinh phí quyết toán	7.876.000.000
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:	
	+ Kinh phí đã nhận	
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc	
1.2	Ngân sách chi không thường xuyên	2.886.070.554
	Số dư kinh phí năm trước chuyển sang	
	Dự toán được giao trong năm	2.886.070.554
	Trong đó: + Dự toán giao đầu năm	
	+ Dự toán bổ sung trong năm	2.886.070.554
	+ Kinh phí giảm trong năm	



	- Kinh phí thực nhận trong năm	2.886.070.554	
	- Kinh phí quyết toán	2.886.070.554	
	- Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng vào quyết toán, bao gồm:		
	+ Kinh phí đã nhận		
	+ Dự toán còn dư ở Kho bạc		
2	Tình hình thực hiện kiến nghị của cơ quan Kiểm toán, thanh tra, cơ quan tài chính		
	Tổng số kinh phí phải nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí đã nộp ngân sách		
	Tổng số kinh phí còn phải nộp		
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	12.941.000	
1	Học Tiếng anh 1+2	5.486.080	
2	Học Tiếng anh VN	511.680	
3	Học Tiếng anh NN	17.907.400	
4	Học tin học	2.792.320	
5	Học Toán tư duy	6.122.300	
6	Học kỹ năng sống	4.991.100	

Người lập
(Ký, ghi họ tên)



Lê Thị Huân

Ngũ Lão, ngày 6 tháng 9 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)




HIỆU TRƯỞNG
Đào Thị Thu Hợp

Số: 93/QĐ-THNGL

Thủy Nguyên, ngày 29 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành Quy chế chi ngoài ngân sách
của trường Tiểu học Ngũ Lão

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC NGŨ LÃO

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố Hải Phòng về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND;

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDDT-STC ngày 25/01/2024 về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Ngũ Lão về quy định chức năng nhiệm vụ của CB-GV-NV năm học 2024- 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành Quy chế chi ngoài ngân sách của Trường Tiểu học Ngũ Lão thực hiện theo năm học.

Điều 2: Quy chế thực hiện từ ngày 05 tháng 9 năm 2024.

Điều 3: Các ông, bà Tổ trưởng Tổ Văn phòng, Kế toán trưởng và các cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng của trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính – KH Thủy Nguyên;
- KBNN Thủy Nguyên;
- Lưu VT



HIỆU TRƯỞNG
Đào Chi Chu Hợp

Số: 04/QC-THNL

Thủy Nguyên, ngày 29 tháng 9 năm 2024

QUY CHẾ CHI NGOÀI NGÂN SÁCH TRƯỜNG TIỂU HỌC NGŨ LÃO

(Ban hành theo Quyết định số: 93/QĐ-THNL ngày 29 tháng 9 năm 2024)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

I. Mục đích xây dựng Quy chế Thu chi ngoài ngân sách:

Quy chế chi ngoài ngân sách quy định về tiêu chuẩn và định mức chi tiêu.

Việc xây dựng Quy chế thu chi ngoài ngân sách nhằm các mục đích:

- Tạo quyền chủ động trong việc quản lý và chi tiêu tài chính cho Thủ trưởng đơn vị, để thực hiện hoạt động giáo dục theo nhiệm vụ được giao.
- Là căn cứ để quản lý và thanh toán các khoản chi tiêu trong đơn vị; thực hiện qua Ngân hàng; cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính và các cơ quan thanh tra, kiểm toán theo quy định.

II. Nguyên tắc xây dựng Quy chế:

- Khi thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đơn vị phải hoàn thành nhiệm vụ được giao. Thực hiện quyền tự chủ phải gắn với tự chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên và trước pháp luật về những quyết định của mình, đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Quy chế chi ngoài ngân sách gồm các quy định về nội dung, định mức chi tiêu thống nhất trong toàn trường, sử dụng các nguồn kinh phí chủ động, có hiệu quả và thống nhất trong công tác quản lý.

- Quy chế chi ngoài ngân sách do Thủ trưởng đơn vị ban hành sau khi tổ chức họp PHHS và có đơn đăng ký tham gia các nội dung học tập của PHHS trên tinh thần tự nguyện, công khai trong trường học và có ý kiến thống nhất của tổ chức công đoàn đơn vị.

- Các nội dung, định mức chi trong Quy chế chi ngoài ngân sách là căn cứ để Hiệu trưởng điều hành việc sử dụng, quyết toán kinh phí từ nguồn thu sự nghiệp của nhà trường.

- Quy chế chi ngoài ngân sách của trường gửi cơ quan chủ quản để theo dõi, giám sát thực hiện chi tài chính của đơn vị theo năm học .

III. Cơ sở pháp lý xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ:

Căn cứ vào các văn bản pháp quy và văn bản quy phạm pháp luật của cả nước, Bộ, Sở, ngành có liên quan như sau:

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/07/2022 Quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 09/9/2022 của UBND Thành phố Hải Phòng về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành Phố;

Căn cứ Hướng dẫn Liên sở số 03/HDLS-GDDT-STC ngày 26/09/2022 của Sở giáo dục và Đào tạo; Sở tài chính về Hướng dẫn thực hiện thu, có chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn Thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Nghị Quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Căn cứ Hướng dẫn liên sở số 86/HDLS-GDDT-STC ngày 25/01/2024 về việc thực hiện thu, cơ chế quản lý thu chi theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND

CHƯƠNG II
NỘI DUNG VÀ ĐỊNH MỨC CHI

1. Chi theo văn bản chuyên ngành:

TT	Tên quỹ	Nội dung chi	Ghi chú
1	Bảo hiểm Y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện mua thẻ BHYT cho học sinh theo quy định của luật BHYT. - Đối với học sinh lớp 1 hoàn thành trước tháng 10/2024. - Đối với học sinh lớp 2+3+4+5 hoàn thành trước tháng 12/2024. 	
2	Quỹ Vòng tay bè bạn	<ul style="list-style-type: none"> - Chi nộp tiền quỹ Kế hoạch nhỏ, rèn luyện đội viên. - Chi các hoạt động đội: Đại hội Liên đội, ĐH cháu ngoan BH, tham gia các hội thi Sơn ca, ca múa nhạc, bóng đá... - Chi công tác tập huấn đội. - Chi mua báo đội, CSVC Đội: Trông đội, quần áo ghi thức đội... 	

2. Các khoản chi dịch vụ phục vụ học sinh, môn tự chọn và buổi thứ 10 theo lựa chọn của PHHS

TT	Tên khoản thu dịch vụ	Nội dung chi	Ghi chú
1	Nước uống học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Mức thu: 10.000đ/tháng - Ký hợp đồng với Công ty CPTM-DV Minh Nguyệt cung cấp nước uống cho học sinh, chi trả 100% cho đơn vị cung cấp 	
2	Trông xe	<ul style="list-style-type: none"> - Mức thu: 25.000đ/tháng đối với học sinh đi xe - Chi hỗ trợ công tác quản lý xe đạp của học sinh cho bảo vệ: 85% 	

		<ul style="list-style-type: none"> - Nộp thuế theo quy định 10% - Chi mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất, vật tư phục vụ công tác trông xe: 5% 	
3	Bán trú		
3.1	Tiền ăn bán trú	<ul style="list-style-type: none"> - Mức thu: 30.000đ/suất - Hợp đồng với công ty TNHH TM sản xuất và kinh doanh dịch vụ Hoàng Minh về việc cung cấp suất ăn cho học sinh, chi trả 100% cho đơn vị cung cấp 	
3.2	Chăm sóc bán trú	<ul style="list-style-type: none"> - Mức thu: 150.000đ/tháng - Chi công tác hỗ trợ trông ăn, trông trưa: 70% + Chi cho cô trông 50% + Chi cho cô phụ bếp: 20% - Chi công tác quản lý bán trú: 30% + Quản lý chuyên môn: 18% + Quản lý quỹ: 12% 	
3.3	Cơ sở vật chất bán trú	<ul style="list-style-type: none"> - Mức thu: + 300.000đ/năm đối với HS lần đầu + 100.000đ/năm đối với HS lần sau - Chi CSVC, vật tư, thiết bị, phí chuyển tiền ăn bán trú ... phục vụ công tác bán trú, 	
4	Hoạt động ngoài giờ chính khoá	<ul style="list-style-type: none"> - Mức thu: 8.000đ/ tiết - Chi cho giáo viên trực tiếp tổ chức HĐNGCK: 70% - Chi công tác quản lý CM: 10% - Chi công tác quản lý quỹ : 5% - Chi cơ sở vật chất: 9% - Chi phúc lợi: 6% 	
5	Tiếng anh tích hợp (Toán - Khoa học)	<ul style="list-style-type: none"> - Mức thu: 12.000đ/tiết - Hợp đồng về việc hợp tác giảng dạy Tiếng Anh Tích hợp cho học sinh với Trung tâm ngoại ngữ Châu Á Thái Bình Dương. - Nộp về Trung tâm: 83% + phí chuyển tiền - Chi công tác quản lý CM: 4% - Chi công tác quản lý quỹ: 2% - Chi Phúc lợi: 5% 	

		<ul style="list-style-type: none"> - Chi nộp thuế: 2% - Còn lại chi CSVC (khoảng $\leq 4\%$) 	
6	Tiếng Anh yếu tổ người NN	<ul style="list-style-type: none"> - Mức thu: 35.000đ/tiết - Hợp đồng về việc hợp tác giảng dạy tiếng anh giáo viên người nước ngoài cho học sinh với trung tâm ngoại ngữ Newsky. - Nộp về Trung tâm: 83% + phí chuyển tiền - Chi công tác quản lý CM: 4% - Chi công tác quản lý quỹ: 2% - Chi Phúc lợi: 5% - Chi nộp thuế: 2% - Còn lại chi CSVC (khoảng $\leq 4\%$) 	
7	Toán tư duy	<ul style="list-style-type: none"> - Mức thu: 10.000đ/tiết - Hợp đồng về việc hợp tác giảng dạy Toán tư duy cho học sinh với Trung tâm Giáo dục toàn diện I-Living- Công ty TNHH Tâm Minh Ngọc. - Nộp về Trung tâm: 83% + phí chuyển tiền - Chi công tác quản lý CM: 4% - Chi công tác quản lý quỹ: 2% - Chi Phúc lợi: 5% - Chi nộp thuế: 2% - Còn lại chi CSVC (khoảng $\leq 4\%$) 	
8	Phúc lợi	<ul style="list-style-type: none"> - Mức thu: Trích từ các quỹ học liên kết, hoạt động ngoài giờ của nhà trường - Chi tặng quà các ngày lễ trong năm (02/9, Khai giảng, 20/10, 20/11, tết dương lịch, âm lịch, 03/8, 30/4, 01/5, tổng kết...) tùy vào tình hình thực tế chi căn cứ vào quyết định của Hiệu trưởng. - Chi may đồng phục, khám sức khỏe - Chi khen thưởng thi đua, khen thưởng đột xuất - Chi hỗ trợ CBGVNV học tập, trải nghiệm, công tác, làm việc đột xuất do Hiệu trưởng phân công và quyết định. 	

		<ul style="list-style-type: none"> - Chi du lịch, liên hoan hội nghị căn cứ vào tình hình thực tế chi theo quyết định của Hiệu trưởng. - Chi khác (có sự thống nhất của tập thể và theo quyết định của Hiệu trưởng) 	
--	--	---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quy chế đã được thông qua Hội đồng trường, Hội đồng sư phạm và được thống nhất cao. Mỗi cán bộ, giáo viên, nhân viên và lao động hợp đồng của nhà trường có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trường hợp vi phạm, tùy theo từng trường hợp cụ thể nhà trường sẽ xử lý kỷ luật với các mức: Cảnh cáo, khiển trách, hạ tiền lương, tiền công hoặc chuyển làm công việc khác.

3. Quy chế này có hiệu lực từ ngày 05/9/2024.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có sự thay đổi lớn về chế độ, chính sách tài chính thì nhà trường sẽ sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế sau khi có ý kiến thống nhất trong nội bộ, gửi các cơ quan chức năng bằng văn bản./.



CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN
Nguyễn Thị Việt Hương



HIỆU TRƯỞNG
Đào Thị Thu Hợp